

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 811/2025/DS-PT
Ngày: 22-12-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Phạm Thị Hồng Vân

bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4-Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 712/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; CCCD số 080164010272; địa chỉ: Số I ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: bà Lê Kim D, sinh năm 1965; CCCD số 017165007355; địa chỉ: Số A đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2024).

- *Bị đơn:* bà La Thị T, sinh năm 1949; CCCD số 080149000889; địa chỉ: Số H ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: ông Võ Hòa T1, sinh năm 1984; CCCD số 080084017354; địa chỉ: Ấp F, xã B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số I đường N, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà La Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ do bà Lê Kim D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tại Bản án số 348/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân tỉnh Long An xét xử về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt” (sau đây viết tắt là Bản án số 348/2023/DS-PT) đã quyết định:

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị Đ có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 178,5m², tọa lạc Khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh), tại vị trí A, B của Mảnh trích đo địa chính số 99-2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ4, được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B phê duyệt ngày 04/9/2018 (sau đây viết tắt là Trích đo số 99-2018).

- Bà Đ được quyền liên hệ các cơ quan chuyên môn đi đăng ký và kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất trên.

Bản án số 348/2023/DS-PT đang có hiệu lực. Tuy nhiên, khi thi hành án phát hiện vật kiến trúc nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Đ là nhà vệ sinh có kích thước (2x3)m, mái tôn, gạch ống bốn lỗ không tô do bà La Thị T xây dựng trước đó nhưng không được đề cập trong Bản án số 348/2023/DS-PT. Bà Đ cùng bà La Thị T nhiều lần không thỏa thuận được. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu:

- Bà La Thị T tháo dỡ, di dời nhà vệ sinh ký hiệu (2) diện tích 3,2m², một phần mái che tiền chế ký hiệu (3) thuộc khu B là 2,1m² để trả lại cho bà Đ quyền sử dụng đất trống tại vị trí A, B của Trích đo số 99-2018, mảnh trích đo địa chính thể hiện công trình kiến trúc ngày 30/12/2024, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 178,5m², tọa lạc Khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BE 208313 do UBND huyện B cấp cho ông Lê Thành Đ1 ngày 18/7/2011 chỉnh lý sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/12/2012.

- Đối với phần đất san lấp tại vị trí ký hiệu (4) diện tích 42m² và vị trí ký hiệu số (5) diện tích 6m² trường hợp không di dời thì bà Đ đồng ý trả bằng giá trị cho bà T.

Bị đơn bà La Thị T trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Lý do:

Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 208313 do UBND huyện B cấp cho ông Lê Thành Đ1 ngày 18/7/2011 chỉnh lý sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/12/2012 đã bị hủy theo Bản án số 02/2013/HC-ST ngày 18/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã có hiệu lực pháp luật.

Trên thửa đất số 134 có nhà và nhà vệ sinh đã được gia đình bà xây dựng từ năm 1972 cho đến nay, nhưng Bản án số 348/2023/DS-PT không đề cập đến là thiếu

sót. Bà đã làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giám đốc thẩm đối với Bản án số 348/2023/DS-PT và đã có kết quả là Văn bản số 1166/TB-DS ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4-Tây Ninh đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn bà La Thị T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc bà La Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà vệ sinh ký hiệu (2) diện tích 3,2m², một phần mái che tiền chế ký hiệu (3) (diện tích 2,1m² tại vị trí khu B) để trả lại cho bà Đ quyền sử dụng đất trống tại vị trí A, B của mảnh trích đo địa chính số 99-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ4 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Huyện B phê duyệt ngày 04/09/2018, Mảnh trích đo địa chính thể hiện công trình kiến trúc ngày 30/12/2024, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 178,5m², tọa lạc khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đ về việc thanh toán cho bà La Thị T toàn bộ giá trị công trình trên đất, gồm: nhà vệ sinh (2), mái che tiền chế (3), sân trải nhựa (4), nền xi măng khu san lấp (5), với tổng số tiền 17.022.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà La Thị T số tiền 17.022.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2025, bị đơn bà La Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Võ Hòa T1 trình bày: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến giá trị san lấp mặt bằng thửa 134, trong khi trước đây, thửa 134 là bung trũng, vợ chồng bà T, ông T3 đã đổ đất san lấp diện tích 178m² nhưng phần này trong Bản án số 348/2023/DS-PT không đề cập. Đối với căn nhà cấp 4 có trên đất là của bà T nhưng Tòa án xác định giá trị không còn là không chính xác, vì cho dù nhà không sử dụng được thì thực tế vật liệu xây dựng vẫn tận dụng được, nhưng do thiếu hiểu biết nên bà T đã không hợp tác với Tòa án cấp sơ thẩm và cũng không khiếu nại về giá. Bà T đang khiếu nại yêu cầu Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại Bản án số 348/2023/DS-PT nhưng đến nay chưa có kết quả, còn trả lời của Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không chấp nhận khiếu nại của ông P và ông Đ1.

Bà Lê Kim D trình bày: phần san lấp thửa 134 là do bà Trần Thị T2 thực hiện và căn nhà cấp 4 có trên đất đã được xem xét trong Bản án số 348/2023/DS-PT, chỉ sót về xử lý nhà vệ sinh trên đất. Bản án số 348/2023/DS-PT có đương sự khiếu nại và đã được Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bác khiếu nại. Pháp luật không có quy định phải đợi kết quả giải

quyết khiếu nại yêu cầu giám đốc thẩm liên quan đến Bản án số 348/2023/DS-PT thì mới tiếp tục giải quyết vụ án này. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà La Thị T đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án số 348/2023/DS-PT đã xem xét toàn diện các quan hệ pháp luật tranh chấp, bao gồm quyền sử dụng đất, các quyết định hành chính có liên quan và căn nhà cấp 4 có trên đất. Bản án hiện có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, bà Đ đã được công nhận quyền sử dụng đất thửa 134 theo bản án. Biên bản thẩm định ngày 30/12/2024 và mảnh trích đo địa chính cùng ngày thể hiện trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Đ hiện có công trình nhà vệ sinh, mái che và phần đất san lấp do bà La Thị T xây dựng, san lấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà La Thị T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và Kiểm sát viên: bà Nguyễn Thị Đ có mặt tại phiên tòa ngày 18/12/2025, vắng mặt khi tuyên án vào ngày 22/12/2025 nhưng đã được thông báo hợp lệ thời gian tuyên án và có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Kim D tham gia tố tụng; ông Phạm Văn H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án sau khi kết thúc việc tranh luận và đề nghị vắng mặt khi tuyên án. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bản án sơ thẩm bị kháng cáo toàn bộ. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Xét kháng cáo của bà La Thị T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ

[4] Trong đơn kháng cáo, bà T cho rằng, bà Đ không được cơ quan nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thửa 134, thì không được bảo vệ; Tòa án nhân dân tỉnh Long An trả lời bằng văn bản số 71/TA-DS ngày 28/11/2023 là không đúng quy định của pháp luật vì bà không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm; bà không rút đơn khởi kiện vì chữ ký trong đơn rút đơn khởi kiện không phải chữ ký của bà; căn nhà cấp 4 và nhà vệ sinh có trên đất do chồng của bà là ông Bùi Thái T3 xây dựng từ

năm 1972, cho ông Lê Thanh Đ2 ở nhờ từ năm 2002; Bản án phúc thẩm số 348/2023/DS-PT nhận định căn nhà trên thửa 134 không phải của bà là nhận định không trung thực nên bà đã làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng đến nay chưa được giải quyết; các văn bản trả lời của Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là giải quyết khiếu nại của ông Đ2 và bà P, không liên quan đến giải quyết đơn của bà.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/12/2025, ông Võ Hòa T1 đại diện theo ủy quyền của bà La Thị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giá trị căn nhà cấp 4 có trên thửa 134 và giá trị san lấp đất thửa 134 diện tích 178m².

[6] Xem xét các lý lẽ mà bà La Thị T và ông Võ Hòa T1 nại ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[6.1] Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 208313 do UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất thửa 134 cho ông Lê Thành Đ1 ngày 18/7/2011 chính lý sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/12/2012 đã bị hủy theo Bản án số 02/2013/HC-ST ngày 18/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, đến năm 2017, năm 2020 thì bà T, bà Đ và ông Đ1 đã khởi kiện vụ án dân sự, đề tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt liên quan đến thửa 134. Tranh chấp này đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 348/2023/DS-PT ngày 28/9/2023, theo đó, TAND tỉnh Long An đã xem xét toàn diện các quan hệ pháp luật, trong đó bao gồm xác định quyền sử dụng đất thửa 134 là của ai. Bà T cũng là đương sự trong vụ án dân sự này, có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất thửa 134 đối với ông Đ1 và yêu cầu hủy quyết định cá biệt nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Bà T cho rằng, bà không ký đơn rút đơn khởi kiện, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2020, người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn T4 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2016) trình bày ông vẫn giữ nguyên việc rút đơn khởi kiện của bà T vào các ngày 18/9/2020 và ngày 28/9/2020. Ý kiến trình bày của ông T4 hoàn toàn trong phạm vi được bà T ủy quyền và đúng quy định tại khoản 4 Điều 85, khoản 2 Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 142, Điều 143 và Điều 144 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà T còn cho rằng, bà không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là không đúng sự thật khách quan, vì Bản án phúc thẩm số 348/2023/DS-PT và Biên bản phiên tòa phúc thẩm thể hiện bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Bùi Thị Hồng Đ3 có mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22 và 28/9/2023 (bút lục số 103).

[6.2] Tại đoạn [2.8] phần nhận định của Bản án số 348/2023/DS-PT đã nhận định, theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L đã xác định, về nguồn gốc đất thửa 134 thì sau năm 1975 do bà Trần Thị T2 (bà nội của ông Lê Thành Đ1) tiếp tục sử dụng, đối với căn nhà cấp 4 có trên thửa 134 là của bà T2 chết để lại cho ông Đ1 sử dụng, không phải của bà T; ông Đ1 trình bày *“khi chuyển nhượng thửa 134 cho bà Đ thì căn nhà không còn giá trị sử dụng”*. Đây là những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực

pháp luật, nên không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết các vụ án có liên quan đến thửa 134, bà T hoàn toàn không đặt ra yêu cầu và bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có san lấp đất thửa 134 diện tích 178m². Như vậy, việc ông T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xem xét giá trị còn lại của căn nhà cấp 4 và giá trị san lấp thửa 134, là không có căn cứ để được chấp nhận.

[6.3] Bà T còn nại rằng, bà đã làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giám đốc thẩm đối với Bản án số 348/2023/DS-PT vì trên thửa đất số 134 có nhà và nhà vệ sinh đã được gia đình bà xây dựng từ năm 1972 cho đến nay, nhưng Bản án số 348/2023/DS-PT không đề cập đến là thiếu sót và khiếu nại của bà chưa được giải quyết. Xét thấy, tại Văn bản số 1166/TB-DS ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 927/TB-VKS-DS ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết đơn đối với ông Lê Thành Đ1, bà Bùi Thị P đã trả lời không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 348/2023/DS-PT. Nội dung giải quyết khiếu nại đã xác định Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm số 348/2023/DS-PT công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 134 giữa ông Đ1 và bà Đ là có căn cứ, công nhận cho bà Đ được quyền sử dụng đất hợp pháp do nhận chuyển nhượng. Bản án phúc thẩm số 348/2023/DS-PT đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, cho nên, bà Đ phải được pháp luật bảo vệ các quyền của người sử dụng đất theo Điều 26 Luật Đất đai 2013, Điều 188 Luật Đất đai 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Đ về xử lý công trình, vật kiến trúc có trên đất, là hoàn toàn có căn cứ.

[7] Tuy nhiên, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án là của đương sự. Việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Đ phải trả tiền cho bà T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là không phù hợp quy định tại Điều 6, Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về cách tuyên án.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra bà T phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bà T là người cao tuổi và có yêu cầu xét miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T đã được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên không tuyên hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà La Thị T.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4-Tây Ninh.

4. Về án phí phúc thẩm: bà La Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục